

Số: /GCN-SXD

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần thí nghiệm Construction Toàn cầu; Biên bản đánh giá ngày 09/9/2025 và Báo cáo khắc phục ngày 10/9/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần thí nghiệm Construction Toàn cầu

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001803258, đăng ký lần đầu ngày 24/7/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 22/8/2025. Cơ quan cấp Phòng Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Khuyến, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0333.164.958.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình giao thông xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 44 Nguyễn Khuyến, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD DAL.005.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần thí nghiệm Construction Toàn Cầu;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLCLCT (NVV).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Tiến

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	XI MĂNG	
-	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng.	TCVN 13605:2023
-	Xác định giới hạn bền uốn và nén.	TCVN 6016:2011
-	Xác định hàm lượng mất khi nung, cặn không tan.	TCVN 141:2023
-	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012
-	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng.	TCVN 8876:2012
2	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
-	Xác định thành phần cỡ hạt; thành phần thạch học; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; khối lượng thể tích xốp và độ rỗng; độ ẩm; hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; tạp chất hữu cơ; cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles; hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá; hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-2÷20:2006
-	Xác định giá trị đương lượng cát ES.	TCVN 14134-5:2024; ASTM D 2419:22
	Xác định góc dốc tự nhiên của cát.	TCVN 8724:2012; ASTM D1883:99
3	VỮA XÂY DỰNG	
-	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu.	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011; EN 1051-1:99
-	Xác định độ lưu động của vữa tươi.	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011
-	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi.	TCVN 3121-6:2022
-	Xác định khả năng giữ độ lưu động.	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011
-	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi.	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011; ASTM C807:08
-	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn.	TCVN 3121-10:2022; TCVN 9028:2011
-	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn.	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9028:2011

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định độ hút nước do mao dẫn của vữa đóng rắn.	TCVN 3121-18:2022
4	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
-	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022
-	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3107:2022
-	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3108:1993
-	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3109:2022
-	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3110:1993
-	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3111:2022
-	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông.	TCVN 3112:2022
-	Xác định độ hút nước của bê tông.	TCVN 3113:2022
-	Xác định khối lượng thể tích của bê tông.	TCVN 3115:2022
-	Xác định cường độ chịu nén của bê tông.	TCVN 3118:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông.	TCVN 3119:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông.	TCVN 3120:2022
-	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 9338:2012
-	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính.	TCVN 8862:2011
5	CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
-	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4195:2012
-	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4196:2012
-	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4197:2012
-	Xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4198:2014
-	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995
-	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012
-	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4201:2012
-	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4202:2012

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm.	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020
-	Xác định hệ số thấm K của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8723:2012
6	VẬT LIÊU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
-	Thử kéo.	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008
-	Thử uốn.	TCVN 198:2008
-	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: Thử uốn.	TCVN 5401:2010;
-	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại: Thử kéo (thử kéo ngang, thử kéo dọc).	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
-	Thử kéo bu lông, vít cấy, đai ốc.	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989
-	Thử thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (Nối Coupler) – Thử kéo.	TCVN 8163:2009; TCVN 13711-2:2023
7	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
-	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai.	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012
-	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường.	TCVN 8821:2011
-	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát.	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012
-	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m.	TCVN 8864:2011
-	Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng.	TCVN 8861:2011
-	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman.	TCVN 8867:2025
-	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
-	Bê tông - Phương pháp thử không phá hủy – xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012
8	GẠCH XÂY	
-	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng.	TCVN 6355-1÷6:2009

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
9	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
-	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; xác định cường độ nén; độ hút nước.	TCVN 6476:1999
10	GẠCH TEZARO	
-	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ bền uốn; độ hút nước.	TCVN 7744:2013
11	BÊ TÔNG NHẹ	
-	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; xác định cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô.	TCVN 9030:2017
12	BÊ TÔNG NHỰA	
-	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; thành phần hạt; tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; tỉ trọng khô, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; độ chảy nhựa; độ góc cạnh của cát; hệ số độ chặt lu lèn; độ rỗng dư; độ rỗng cốt liệu; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.	TCVN 8860-1÷12:2011
-	Thiết kế Bê tông nhựa theo phương pháp Marshall.	TCVN 8820:2011
13	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
-	Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích; độ rỗng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hoà tan trong nước; độ trương nở thể tích; chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984; TCVN 12884:2020
14	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT	
-	Xác định độ kim lún ở 25°C.	TCVN 7495:2005
-	Xác định độ kéo dài ở 25°C.	TCVN 7496:2005
-	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi).	TCVN 7497:2005
-	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hồ Cleveland.	TCVN 7498:2005
-	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h.	TCVN 7499:2005

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD DAL.005**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 9 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định độ hòa tan trong trichloroethylene.	TCVN 7500:2005
-	Xác định khối lượng riêng ở 25°C.	TCVN 7501:2005
-	Xác định độ dính bám đối với đá.	TCVN 7504:2005
-	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm sàng); điện tích hạt; độ khử nhũ; thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; thử nghiệm chưng cất; thử nghiệm bay hơi; khả năng trộn lẫn với nước.	TCVN 8817-3÷13:2011; 22TCN 319:2004; TCVN 11195:2017; TCVN 8818-4:2011
-	Xác định hàm lượng nước.	TCVN 8818-3:2011
15	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
-	Xác định váng dầu mỡ quan sát bằng mắt thường.	TCVN 4506:2012
-	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường.	TCVN 4506:2012
-	Xác định hàm lượng cặn không tan.	TCVN 4560:1988
-	Xác định hàm lượng muối hòa tan.	TCVN 4560:1988
-	Độ pH.	TCVN 6492:2011
-	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻).	TCVN 6194:1996
-	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻).	TCVN 6200:1996
-	Lượng tạp chất hữu cơ.	TCVN 6168:1996
